

GIẢI TỎA SỨC Ỗ – MỘT KHÂU CẢN ĐỘT PHÁ ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

ĐẶNG LƯU*

TÓM TẮT

Thực tế dạy học Ngữ văn ở các cấp học hiện nay, vẫn còn khá nhiều vấn đề chưa theo kịp với yêu cầu của giáo dục hiện đại cũng như đòi hỏi của cuộc sống. Những vấn đề đề tồn tại ở nhiều khâu: việc đào tạo ở các trường sư phạm, sự chỉ đạo chuyên môn của các cấp, hoạt động dạy học của thầy và trò, việc thi cử, kiểm tra, đánh giá... Giải tỏa những sức ỗ này là một trong những khâu then chốt của quá trình đổi mới để nâng cao chất lượng dạy học bộ môn Ngữ văn.

Từ khóa: sức ỗ, giải tỏa, đột phá, dạy học Ngữ văn.

ABSTRACT

Inertial Relief – a Dynamic Section

in Language and Literature Teaching Innovation in Secondary Schools

The practice of Language and Literature teaching in all levels have displayed its failure to meet the demands of modern education and society, which leads to “inertial” in many sections such as: the training protocol in universities of education, the practice of educational management, the activities of teaching and learning, the practice of examination, testing and assessment. Therefore, “inertial” relief serves as a major step in the process of educational innovation to effectively enhance the quality of Language and Literature teaching and learning.

Keywords: inertial relief, dynamic, Language and Literature teaching.

Đổi mới là một trong những từ có tần số xuất hiện cao nhất trong các diễn ngôn chính trị xã hội và diễn ngôn khoa học hiện nay. Nó có mặt thường xuyên trong các diễn đàn, trong các bài viết thuộc mọi ngành khoa học. Nó tạo một áp lực có thực trong cuộc sống đương đại. Giáo dục nói chung, dạy học Ngữ văn nói riêng không nằm ngoài bầu “sinh quyển văn hóa” ấy.

Đổi mới dạy học Ngữ văn, theo đúng nghĩa của nó, là tạo ra những thay đổi về chất, mang tính đột biến. Cái khó của quá trình đổi mới là làm sao kế thừa, phát huy

được những mặt tích cực của các giai đoạn trước, đồng thời giải tỏa được sự trì trệ, lạc hậu – những yếu tố có sức níu kéo, cản trở sự phát triển. Như vậy, trong quá trình đổi mới, nắm bắt những yếu tố tiên bộ, khả thủ để phát huy và nhận diện những yếu tố lạc hậu, tiêu cực để đào thải – cả hai mặt đó đều có vai trò quan trọng, quyết định sự thành công.

Tuy nhiên, nhận diện từng mặt trên đây một cách cụ thể, chính xác không phải là chuyện đơn giản. Trước hết, bởi sự khác nhau về quan niệm của những người trong cuộc. Kể cả giới nghiên cứu, các nhà quản lý chuyên môn lẫn đội ngũ giáo viên trực

* TS, Trường Đại học Vinh

tiếp giảng dạy, nhiều trường hợp, khó tìm được sự đồng thuận về tư tưởng. Đã từng có những cuộc tranh luận sôi nổi trên một số diễn đàn về cái mới, cái cũ của phương pháp dạy học Ngữ văn mà rốt cuộc vẫn chưa có tiếng nói quyết định. Sự phân lập quan điểm vẫn là tình trạng đã và đang diễn ra. Mặt khác, cái mới, cái tiến bộ và cái cũ, cái lạc hậu vẫn thường đan xen nhau chứ không dễ phân định rõ ràng như hai mảng đen trắng. Đây là hệ quả của việc đổi mới mang tính cục bộ, thiếu tư tưởng nhất quán và thiếu sự chỉ đạo xuyên suốt các cấp học một cách có hệ thống, tức là tình trạng thiếu một vị “tổng công trình sư” như nhiều ý kiến đã chỉ ra.

Như vậy, việc nhận diện những yếu tố lạc hậu, trì trệ tạo nên cái sức ỳ cản trở công cuộc đổi mới dạy học Ngữ văn trong bối cảnh hiện nay là điều cần thiết. Nếu không giải tỏa những sức ỳ này, ý đồ đổi mới dù tốt đẹp đến đâu, công việc cũng chỉ dậm chân tại chỗ mà thôi.

Đổi mới, trước hết thể hiện ở quan niệm, mục đích của bộ môn trong hệ thống các môn học của nhà trường phổ thông. Dạy Văn, từ trước tới nay không nằm ngoài mục đích *dạy chữ và dạy người*. Thế nhưng, quan niệm thế nào về việc dạy chữ và dạy người ở từng giai đoạn khác nhau cũng có nhiều khác biệt. Một thời gian dài trước đây, *chữ trong văn* chủ yếu là vấn đề nội dung tư tưởng mang đậm yếu tố chính trị xã hội hơn là những giá trị đích thực của văn học. Khi chúng ta tiếp thu được một số thành tựu nghiên cứu của thế giới (chẳng hạn Thi pháp học, Tự sự học,...), quan niệm về dạy chữ đã có những thay đổi tích cực. Việc khai thác những yếu tố hình thức của văn bản nghệ thuật đã được chú trọng

đúng mức. Tương ứng với điều đó, quan niệm về dạy người cũng có những khác biệt căn bản. Thay vì hướng tới mục đích giáo dục con người công dân, con người chính trị, con người công đức, là sự khám phá con người cá nhân ở chiều sâu bản thể, ở đời sống thường nhật, với những giá trị cần được khẳng định. Sự đổi mới về mục đích dạy học bộ môn tất yếu kéo theo sự thay đổi về chương trình và sách giáo khoa. Văn bản có mặt trong chương trình môn Văn đã thực sự có chất văn, giảm thiểu loại văn bản mà nội dung thiên về những vấn đề chính trị. Đây thực sự là bước đột phá ngoạn mục, phá vỡ cái sức ỳ tồn tại dai dẳng trong dạy học Văn. Nhắc lại điều đã xảy ra hơn vài thập niên trước để thấy rằng, nỗ lực giải tỏa sức ỳ trước hết phải diễn ra ở tầm vĩ mô.

Trên mỗi bước đường của quá trình đổi mới, sức ỳ lại liên tục xuất hiện, với những hình vẻ khác nhau. Có những cái hôm qua là nhân tố tích cực, hôm nay đã là những trở lực của sự phát triển. Chẳng hạn, trước đây một thập kỉ, quan điểm dạy học Văn là phải/chỉ dạy những gì thuộc về văn chương đích thực có thể rất giàu sức thuyết phục, và thực tế đã đưa lại những hiệu quả rõ rệt, nhưng nếu đặt vào bối cảnh hiện nay, khi dạy học Ngữ văn phải hướng tới việc tiếp nhận nhiều loại văn bản, đủ các loại phong cách chức năng, hướng tới việc rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh; hơn nữa, nếu nhìn rộng ra việc dạy học bộ môn này ở một số nền giáo dục tiên tiến trên thế giới thì quan điểm nêu trên không khỏi có phần hạn hẹp. Và do vậy, những ai vẫn kiên trì, quyết liệt bảo vệ quan điểm đó, có thể sẽ góp phần tạo ra một sức ỳ đáng kể.

Quan sát thực tế môn Ngữ văn thời gian gần đây, dễ thấy có những sức ỳ nảy sinh ngay trong những bước ngoặt quan trọng, chẳng hạn, ở việc thay thế khái niệm *giảng văn* trước đây bằng khái niệm *đọc hiểu* hiện nay. Không thể phủ nhận mặt tích cực của sự thay đổi này. Nếu giảng văn chủ yếu là thao tác của giáo viên, thì đọc hiểu nghiêng về phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh – một trong những tiêu chuẩn hàng đầu của giáo dục hiện đại. Thế nhưng, sự thay đổi này đã rơi vào tình trạng nửa vời. Thực chất của đọc hiểu là cung cấp tri thức công cụ và hướng dẫn kỹ năng tiếp nhận văn bản, để từ đó, học sinh có thể tự mình khám phá các văn bản cùng loại. Ví dụ, trong chương trình thì dạy *Chữ người tử tù*, nhưng có thể kiểm tra, đánh giá học sinh qua yêu cầu đọc hiểu một truyện ngắn khác trong tập *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân. Đó là một tư tưởng đúng. Nhưng tiếc thay, tư tưởng này đã không được áp dụng triệt để. Chủ trương học gì thì dạy, thậm chí, nội dung thi còn hẹp hơn nhiều so với những gì học sinh được học đã khiến cho quan điểm đọc hiểu hoàn toàn bị phá sản. Đề thi không được ra ngoài các văn bản có mặt trong chương trình đã dành, ngay cả các văn bản đọc thêm trong chương trình cũng không được đụng đến. Hơn thế nữa, ngay cả ở những văn bản được dạy học chính thức, nếu ra đề vào phần chữ in cỡ nhỏ cũng bị xem là phạm luật.

Phải nói một cách thẳng thắn rằng, đề thi môn Ngữ văn ở nước ta vẫn là địa hạt khá bảo thủ. Chủ trương phải kiểm tra cả kiến thức văn học lẫn kiến thức xã hội, chủ trương ra đề với hình thức mở là đúng, nhưng thực tế, cái mới, sức gọi của các đề

thi ở các cấp chưa cải thiện được bao nhiêu. Quan sát đề thi của các Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như của một số kỳ thi cấp quốc gia diễn ra hằng năm, sẽ thấy rõ điều đó. Vẫn một cấu trúc cứng nhắc ấy (một câu 2 điểm, một câu 3 điểm, một câu 5 điểm), vẫn trở đi trở lại với những yêu cầu nghị luận quen thuộc ấy, và nhất là vẫn một kiểu đáp án rất nặng tính áp đặt ấy. Trong khoảng vài ba năm trở lại đây, đã có những dấu hiệu chuyển biến tích cực ở cách ra đề tuyển sinh đại học... Nhưng sự chuyển biến cần mạnh mẽ hơn nữa. Từng chấm thi môn Ngữ văn tuyển sinh đại học suốt thời gian dài, chúng tôi nhận thấy rất rõ những gò bó mà một số kiểu đề tạo ra cho thí sinh. Thật hiếm gặp những bài thi thể hiện chủ kiến của người viết một cách dứt khoát, rõ ràng. Đó là chưa nói, từ khi thực hiện việc ra đề cho phù hợp với nội dung của hai bộ sách Ngữ văn trung học phổ thông (bộ cơ bản và bộ nâng cao), nhiều giáo viên luyện thi đã có một cách “dạy tử” rất hiệu nghiệm. Tôi biết, có người đã chủ trương bỏ hẳn mảng thơ, chỉ tập trung dạy văn xuôi, và rốt cuộc, cách tử của thầy luôn luôn trúng. Trừ câu 2 điểm và câu 3 điểm là phần chung, bắt buộc, còn ở phần tự chọn – hai câu chọn một – (câu 5 điểm), thế nào mà chẳng có một câu thuộc mảng văn xuôi. Đã vậy, trong phần chung, câu 2 điểm lại cũng thường là văn xuôi nốt. Vậy là thơ bị tẩy trắng trong ý thức của người học. Nhờ chỗ hở khá lớn ấy trong cách quản lý chuyên môn của Bộ mà các sĩ tử bớt được bao nhiêu công sức ôn luyện.

Về hình thức ra đề, chỉ cần so sánh đề nghị luận xã hội của ta với đề thi của một số trường đại học ở Trung Quốc gần đây, sẽ thấy rõ bao nhiêu khác biệt. Ở ta,

liệu có ai dám ra đề như một đề thi đại học ở Giang Tây: *Chim én non rất béo, bay không cao. Én mẹ bắt én con năng rèn luyện giảm béo để bay cao. Viết một đoạn văn với chủ đề “Én giảm béo”, đầu đề và thể loại tự chọn, số chữ 800* [4]. Đừng nghĩ người ta ra đề tầm phào. Nó đề cập đến những chuyện rất hệ trọng, nghiêm túc của con người đây. Có điều, cái nghiêm túc, hệ trọng ấy được biểu đạt kín đáo bằng hình thức ẩn dụ nhẹ nhàng mà thâm thúy, có sức gọi, gây được hứng thú cho thí sinh. Tôi từng thử hình dung, nếu ở nước ta, đề thi môn Ngữ văn mà chỉ vẹn hai tiếng “*Bước ngoặt*” như một đề thi ở Melbourne nước Úc, thì không biết sẽ nhận được bao nhiêu tiếng la ó của dư luận, và chắc chắn những câu chất vấn sẽ không ngớt được đặt ra: đề như thế thì lập đáp án thế nào đây?, làm sao mà chấm bài? Thật thú vị khi biết rằng, ở Úc, với đề thi này, em Nguyễn Trà My – một học sinh gốc Việt – đã đạt điểm A (điểm cao nhất) [5].

Trong việc đổi mới bộ môn Ngữ văn ở trường phổ thông, việc đào tạo sinh viên ngành Sư phạm là một mắt xích vô cùng quan trọng. Sản phẩm được tạo ra từ những “máy cái” này nếu không đạt chuẩn, thì mọi ý tưởng dù mới mẻ, hay ho đến đâu, cũng không bao giờ trở thành hiện thực. Vậy mà, khó có thể nói khác một thực tế: chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn hiện nay là rất thấp. Nhiều người đã cảnh báo điều đó. Khoan hãy đề cập đến những nguyên nhân khách quan như chất lượng đầu vào, bối cảnh xã hội, tình trạng xuống cấp đáng báo động của các ngành khoa học xã hội nhân văn, sự bế tắc của sinh viên khi ra trường,... chỉ nhìn vào chương trình và cách thức đào tạo của các

khoa Sư phạm Ngữ văn trong nước, cũng có thể thấy nhiều điều bất ổn. Các giáo trình phương pháp vừa thiếu, vừa chưa theo kịp yêu cầu của sự thay đổi. Chẳng hạn, việc thay sách giáo khoa môn Văn (sau đó có tên là Văn học, Ngữ văn) diễn ra đã bao nhiêu lần, vậy mà để học môn *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, sinh viên vẫn chỉ có trong tay cuốn giáo trình được biên soạn từ gần vài chục năm trước, tái bản đến hơn chục lần, một số nội dung của nó chẳng ăn nhập gì với chương trình và sách giáo khoa hiện hành [1]. Một ví dụ khác: quan điểm đọc hiểu đã được áp dụng cả chục năm nay, nhưng những công trình nghiên cứu có liên quan thì vẫn rất hiếm hoi, sinh viên luôn luôn thiếu nguồn học liệu cơ bản.

Đã thế, thời gian học nghề của sinh viên sư phạm cũng rất hạn hẹp. Tôi cho rằng, trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn hiện nay, tỉ lệ thời gian dành cho học các môn nghiệp vụ trong tương quan với các môn học khác còn nhiều bất hợp lý. Một số môn chung và các môn khoa học cơ bản đang lấn át các môn gắn với đào tạo nghề dạy học. Đặc biệt, công tác thâm nhập tìm hiểu thực tế ở phổ thông và công tác thực tập sư phạm vẫn chưa được đầu tư đúng mức. Cần phải thấy rằng, sinh viên thâm nhập, nghiên cứu thực tế dạy học ở các trường phổ thông không chỉ để học tập các chiêu thức, những kinh nghiệm hay trong nghề nghiệp, mà còn phải nắm bắt những bất cập về phương pháp để có ý thức hơn trong việc chuẩn bị hành trang vào nghề. Thời gian thực tập quá ít ỏi, cách tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm lại mang tính hình thức, thử hỏi làm sao có thể nâng cao chất lượng dạy

nghề thông qua công việc thực tập cho sinh viên? Quan sát việc tập giảng cũng như các cuộc thi giảng môn Ngữ văn của sinh viên, có thể thấy, thế hệ hôm nay dễ dãi lại dấu chân mà các thế hệ trước từng đi, tức là cách dạy học vẫn cũ kỹ, thiếu tính sáng tạo. Sinh viên quá chú ý đến nội dung mà ít quan tâm đến phương pháp. Chỉ sợ dạy sai, dạy thiếu kiến thức mà không sợ lạc hậu về cách thức dạy học. Vẫn là kiểu úp mặt vào bảng viết tràn lan, giảng thì huyền thuyên như sợ ai cướp lời, hỏi thì chiếu lệ, cho có, ít tạo ra tương tác nhằm kích thích sự suy nghĩ của người học... Tôi cho rằng, những vấn nạn này không chỉ tồn tại ở một vài khoa, vài trường sư phạm, mà rất phổ biến. Đó thực sự là những trở lực trên con đường đổi mới môn Ngữ văn ở trung học phổ thông. Nếu xem đó là sức ỳ, thì sức ỳ này là không nhỏ, và đặc biệt, không dễ giải tỏa nếu các nhà lãnh đạo thiếu một tầm nhìn chiến lược trong đào tạo nhân lực ngành sư phạm.

Việc đổi mới môn Ngữ văn hiện nay đang đặt gánh nặng lên vai đội ngũ giáo viên trực tiếp đứng lớp. Mọi ý tưởng của các nhà khoa học, mọi chủ trương của các nhà quản lý, hiệu quả sự vận hành của một bộ máy giáo dục... tất cả phụ thuộc phần lớn vào đội ngũ giáo viên. Thế nhưng, từ hậu quả của việc đào tạo như đã nói trên, cộng với nhiều nguyên nhân khác, tất yếu dẫn đến thực trạng: chất lượng đội ngũ giáo viên hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

Với đề tài: “*Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông*” (do nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình làm chủ nhiệm vừa được nghiệm thu vào ngày

5 tháng 12 năm 2013), nhóm tác giả thực hiện đã đề cập tới nhiều vấn đề như chất lượng đội ngũ nhà giáo, về chính sách ưu đãi... và đưa ra nhiều giải pháp. Một trong những vấn đề trọng tâm mà nhóm nghiên cứu đã chỉ ra là sức ỳ của giáo viên còn lớn [7]. Khảo sát thực tế dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông hiện nay, có thể thấy kết luận trên là hoàn toàn có cơ sở.

Sức ỳ của giáo viên trước hết xuất phát từ trình độ, đúng như một nhận định trong đề tài nghiên cứu nêu trên: “Phần lớn giáo viên trình độ hiểu biết không vượt quá được nội dung của sách giáo khoa, nhất là còn mơ hồ về tri thức của môn học” [7]. Vậy thì, nhiều người không đổi mới được không phải vì không muốn đổi mới, mà là bởi năng lực, trình độ không cho phép. Không ít ý kiến cho rằng, chế độ đãi ngộ chưa thỏa đáng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự xuống cấp của chất lượng dạy học. Điều này không sai. Tuy nhiên, đó chưa phải là tất cả. Tôi cho rằng, với thực trạng nhân lực giáo dục hiện nay, dù chế độ lương bổng được cải thiện bao nhiêu, vẫn khó có thể tạo ra sự đột biến về chất lượng.

Sức ỳ còn được tạo nên bởi lối dạy học theo kinh nghiệm, theo thói quen và sự ỷ lại những tài liệu có sẵn.

Kinh nghiệm là đáng quý. Nhưng kinh nghiệm chỉ phát huy được hiệu quả khi nó đồng hành với sự phát triển của tri thức, của khoa học. Ngược với điều đó, kinh nghiệm chỉ còn là những định kiến, không có khả năng thích ứng, thậm chí cản trở sự thay đổi. Ở nhà trường phổ thông hiện nay, những giáo viên dạy Văn có năng lực không phải đã hoàn toàn vắng bóng. Có những người thâm văn tinh, giảng văn

truyền cảm. Nhưng trong dạy học, những ưu thế đó có thể được phát huy quá mức: thầy giảng say sưa như một diễn viên độc diễn trên sân khấu, trò như bị thôi miên. Nếu trước đây, cách dạy Văn như thế dễ được đánh giá cao, thì hiện nay, lối dạy ấy không còn phù hợp: nó biến học sinh thành những khán giả thụ động, các em được “bao cấp” về cảm thụ, nhu cầu tự mình khám phá các giá trị từ văn bản bị triệt tiêu. Tiếc thay, những giáo viên có khả năng “diễn xuất” thuần thục như vậy ít khi tự nhận sự lạc hậu trong phương pháp dạy học của mình, do đó, những ưu thế vốn có bỗng nhiên trở thành một thứ sức ỳ ngăn cản sự đổi mới của chính họ.

Trong bài viết “*Trở về với văn bản – con đường đổi mới căn bản phương pháp dạy học Văn*”, (Văn nghệ, số 10, ngày 7/3/2009), GS. Trần Đình Sử đã cảnh báo một thực trạng: trong dạy học Ngữ văn hiện nay, giáo viên thường dùng “thế bản” thay cho việc tìm hiểu văn bản [5]. “Thế bản” là bài viết của các nhà nghiên cứu phê bình về tác phẩm, những cuốn sách thiết kế bài dạy trong chương trình, và sẵn hơn cả là nguồn giáo án vô tận trên mạng internet. Đáng tiếc là, những lời cảnh báo của GS. Trần Đình Sử đã chưa được nhiều người chú ý. Và những hiện tượng có thực ở thời điểm bài viết được công bố, giờ đây đã tăng theo cấp số nhân. Thay vì xem các bài viết về tác phẩm chỉ là những tài liệu cần

tham khảo thêm để mở rộng kiến văn, nhằm tổ chức cho học sinh đọc hiểu văn bản một cách khoa học, thì với nhiều giáo viên, các thế bản kia là những “cầm nang”, thậm chí họ đã “vi phạm bản quyền” bằng cách biến nó thành giáo án dạy học của chính họ. Cách làm này đưa đến hệ quả rất tai hại: người giáo viên tự thủ tiêu những cảm xúc tự nhiên của mình và của học sinh trước một tác phẩm, áp đặt cách hiểu của một tác giả nào đó cho nhiều đối tượng. Giờ đọc hiểu vì thế đã bị biến tướng, không còn đáp ứng những đòi hỏi của một cách dạy học mới trong môn Ngữ văn. Thực trạng nêu trên giờ đây đã hết sức phổ biến, và nó thực sự là một vấn nạn, một khối sức ỳ khổng lồ khiến cho việc giải tỏa không thể diễn ra trong ngày một ngày hai.

Đổi mới toàn diện, triệt để nền giáo dục Việt Nam đang được nói đến như một hướng đi tất yếu. Có người hân hoan tin tưởng. Có người băn khoăn nghi ngờ. Có vị lãnh đạo xem đó là một chiến dịch lâu dài và phải bắt đầu bằng trận đánh mở màn, có tính toán. Đổi mới thi cử được coi là trận đánh mở màn, là sự bắt đầu của một lộ trình. Từ góc nhìn của người tìm hiểu thực trạng dạy học của một bộ môn, tôi cho rằng, con đường phía trước còn nhiều thách thức, mà một trong những thách thức lớn nhất là làm sao đột phá để giải tỏa những sức ỳ vốn đang bám chặt vào các đối tượng trong hệ thống giáo dục của chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (2009), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, tái bản lần thứ mười hai.
2. Đinh Trí Dũng, Đặng Lưu (2013), “Về đầu ngành Sư phạm Ngữ văn”, sách *Vườn văn... những lối vào*, Nxb Đại học Vinh, tr. 226-235.
3. Đặng Lưu (2009), “Về việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn”, *Văn nghệ*, số 21 (23/5/2009).
4. “Một số đề thi tuyển sinh Đại học của Trung Quốc ra theo hướng mở”, Website của trường THPT Long Hải – Phước Tỉnh, Bà Rịa – Vũng Tàu.
5. Nguyễn Trà My (2005), “Quê hương trong tôi”, *talawas.org*, 24/9/2005.
6. Trần Đình Sử (2009), “Trở về với văn bản – con đường đổi mới căn bản phương pháp dạy học Văn”, *Văn nghệ*, số 10 (07/3/2009).
7. Xuân Trung (2013), “Nguyên Phó chủ tịch nước chỉ ra nhiều vấn đề về thực trạng đội ngũ nhà giáo”, *Giáo dục Việt Nam*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26-12-2013; ngày phản biện đánh giá: 06-01-2014;

ngày chấp nhận đăng: 10-01-2014)